

Bản án số: 44/2018/HS-ST

Ngày 12-7-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Tiến.

Ông Nguyễn Quang Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Dương Văn T, sinh ngày 08 tháng 3 năm 1977 tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn L (đã chết) và bà Lưu Thị T; có vợ là Nguyễn Thị L và có 02 con, con lớn 17 tuổi con nhỏ 14 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; tại ngoại tại địa phương, “có mặt”.

2. Nguyễn Duy C, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1976 tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy D và bà Lưu Thị T; có vợ là Nguyễn Thị T và có 02 con, con lớn 18 tuổi, con nhỏ 16 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; tại ngoại tại địa phương, “có mặt”.

3. Nguyễn Văn K, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1979 tại thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới

tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B; có vợ là Tạ Thị H và có 03 con, con lớn 14 tuổi con nhỏ 7 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: tốt, tại ngoại tại địa phương, “có mặt”.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; cư trú tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1981; cư trú tại: Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Văn T là công nhân làm thuê ở thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Ngày 10/2/2018, T đang ngồi uống rượu tại quán ăn ở thành phố Hà Giang thì có một người nam giới lạ mặt, khoảng 50 tuổi không rõ danh tính đến nói chuyện và cho T 05 hộp pháo. T đồng ý nhận và mang về nhà trọ ở Tổ 14, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang cất giấu. Ngày 13/2/2018, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu GYGNUSX4V màu trắng biển kiểm soát 23H4 - 1789 mang theo 05 hộp pháo trên về cất giấu tại vườn nhà ở thị trấn T, huyện B với mục đích để đốt vào dịp tết nguyên đán nhưng do gia đình có cháu ruột mới chết nên T nảy sinh ý định bán 05 hộp pháo để lấy tiền. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 14/02/2018, T sang nhà bạn là Nguyễn Duy C, Thế nói với C: “Có 05 hộp pháo, ai mua thì bán” đồng thời hỏi C có biết ai mua không thì bảo T để bán, C đồng ý và bảo “nếu ai mua sẽ bán cho”.

Khoảng 7 giờ 00 ngày 15/02/2018, do có nhu cầu sử dụng pháo để đốt trong dịp tết nguyên đán năm 2018, Nguyễn Huy Ch gọi điện thoại cho Nguyễn Văn K là người quen và nói “Có pháo không bán cho mấy hộp”, mặc dù không có pháo nhưng do Nguyễn Huy Ch thường xuyên mua gỗ của K nên K nể và đồng ý, K nói với Ch “chờ tý, đi tìm mua đã”. Đến khoảng 8 giờ 00 cùng ngày, K đi ra ngoài đường liên thôn thì gặp Nguyễn Duy C. Do có quen biết với C và biết C có quan hệ quen biết với nhiều người đi làm ăn xa tại các vùng giáp biên giới thỉnh thoảng có mang pháo về nên K hỏi C “Có pháo không cho mua mấy hộp”, do tối ngày 14/2/2018, T nói với C có 05 hộp pháo cần bán nên C đồng ý bán pháo cho K và hẹn đầu giờ chiều cùng ngày 15/2/2018 gặp K tại nhà của C. Sau đó C về nhà điện thoại cho Dương Văn T hỏi mua pháo, T đồng ý và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 23H4 - 1789 mang theo 05 hộp pháo đến nhà C và bán cho C 05 hộp pháo trên với giá 4.400.000đồng. Đến khoảng 12giờ45phút cùng ngày, K điều khiển xe mô tô Honda Lead màu bạc biển kiểm soát 37B1 - 287.21 đến nhà C để mua pháo về bán cho Ch, tại đây C đã bán cho K 05 hộp pháo để trong 01 bao tải đã cũ trong đó có 03 hộp pháo to, 02 hộp pháo nhỏ, K kiểm tra bên ngoài 05 hộp pháo là giấy có in chữ nước ngoài, bên trong chứa các vật hình trụ liên kết với nhau thành một khối nên đồng ý mua 05 hộp pháo và

thỏa thuận với C mua với giá 4.400.000đồng nhưng K chưa có tiền nên hẹn C trả tiền sau. Sau đó, K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 37B1 – 287.21 đi trên đường tỉnh lộ 303 thuộc địa phận thôn T, xã T, huyện B để bán cho Ch thì bị Công an huyện Bình Xuyên phát hiện, lập biên bản sự việc và thu giữ : bên trong cốp xe mô tô biển kiểm soát 37B1 – 287.21: 02 hộp có kích thước 17cm x 19cm x 19cm bên ngoài bọc bằng giấy có in chữ nước ngoài, bên trong có chứa 36 vật hình trụ được liên kết với nhau thành một khối, thu giữ ở phần đế chân ở giữa đầu xe và yên xe mô tô biển kiểm soát 37B1 - 287.21: 03 hộp có kích thước 17cm x 19cm x 23cm bên ngoài bọc bằng giấy có in chữ nước ngoài, bên trong có chứa 56 vật hình trụ được liên kết với nhau thành một khối, K khai là pháo đang mang đi bán cho Ch, ngoài ra còn thu giữ của Nguyễn Văn K 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã cũ, 01 xe mô tô biển kiểm soát 37B1 - 287.21.

Ngày 21/2/2018, Cơ quan điều tra– Công an huyện Bình Xuyên có Q định trưng cầu giám định số 117, trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đối với số pháo thu giữ trên.

Cùng ngày 21/2/2018, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an có Kết luận số 958 kết luận: Mẫu vật gửi đến giám định đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi bị kích thích hoặc đốt có gây tiếng nổ). Khối lượng là 14,4kg. Hoàn trả lại 8,7kg mẫu vật vào bao gói.

Tại Cáo trạng số 38/CT - VKSBX ngày 31 tháng 5 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên truy tố các bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn K về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội, giữ nguyên Q định truy tố các bị cáo như Cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 4 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự; T áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn K từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo qui định của pháp luật và phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ số pháo và tài sản cất giữ pháo không còn giá trị; Tịch thu bán phát mại nộp ngân sách nhà nước Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu đen của C và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã cũ của K; Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước số tiền 4.400.000đồng của T; trả lại cho T 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 23H4 – 1789 cùng đăng ký xe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên. Các bị cáo khai nhận: 14,4kg pháo mà các bị cáo thực hiện hành vi mua bán ngày 15 tháng 02 năm 2018, nguồn gốc là của một nam thanh niên không biết tên tuổi ở tỉnh Hà Giang nơi bị cáo T làm ăn đã cho bị cáo T, bị cáo T đã đem về nhà ở thị trấn T, huyện B, T bán số pháo này cho bị cáo C với giá 4.400.000 đồng; sau đó C bán lại cho K, khi K đang vận chuyển số pháo này trên đường tỉnh lộ 303 thuộc địa phận thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc để bán cho một người khác thì bị Công an huyện Bình Xuyên phát hiện và bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 15 tháng 02 năm 2018.

[2] Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; Kết luận giám định của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an; Biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang và vật chứng vụ án thu giữ được. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn K đã phạm tội “Buôn bán hàng cấm”; tội danh được quy định tại khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với pháo nổ và gây mất an ninh trật tự, ảnh hưởng đến sự an toàn về tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác. Vì vậy, cần phải xử lý các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân của các bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: Các bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; bị cáo T được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 2 Điều 51 đó là bị cáo có bố là ông Dương Văn L được Nhà Nước tặng thưởng Huy chương hạng nhì. Trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt; các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, số lượng mua bán không nhiều và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào. Trong vụ án này tuy có ba bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có bị cáo nào là chủ mưu, cầm đầu, cả ba bị cáo đáng được khoan hồng và theo qui định tại Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thì các bị cáo có đủ điều kiện để áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo qui định của pháp luật và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, phòng ngừa chung cũng như

tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội tự cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Quá trình điều tra và tại phiên tòa không xác định được đối tượng cho Dương Văn T pháo vào ngày 10 tháng 02 năm 2018 nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với Nguyễn Huy Ch có hành vi gọi điện thoại cho K hỏi mua pháo để sử dụng, tuy nhiên giữa K và Ch chưa thỏa thuận cụ thể về số lượng, giá mua và chưa giao nhận pháo nên chưa có đủ cơ sở để xử lý Ch là phù hợp.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với số tiền 4.400.000đồng của T giao nộp là tiền do phạm tội mà có cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Cần tịch thu, tiêu huỷ đối với mẫu vật mà Cơ quan giám định hoàn trả lại.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 37B1 - 287.21, thu giữ của K, quá trình điều tra xác định là của anh Nguyễn Văn Q là em trai của K. Ngày 15/02/2018, K mượn xe máy của anh Q, anh Q không biết việc K sử dụng chiếc xe máy trên làm phương tiện phạm tội nên ngày 03/5/2018, Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Xuyên đã trả lại chiếc xe máy cho anh Q là phù hợp.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 23H4- 1789, của gia đình thể, ngày 13/02/2018, T dùng vận chuyển hàng cấm là pháo nổ nhưng không có cơ sở để khẳng định chiếc xe này là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội theo quy định tại Điều 46 Bộ luật Hình sự. Vì bị cáo có nghề nghiệp chính là thợ mộc, chiếc xe máy này hàng ngày Dương Văn T và vợ là Nguyễn Thị L vẫn dùng làm phương tiện đi làm để phục vụ cuộc sống của bản thân và gia đình chứ không nhằm mục đích dùng để vận chuyển hàng cấm hoặc dùng để thực hiện hành vi, vi phạm pháp luật nên không T cho rằng chiếc xe máy là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại xe cùng đăng ký xe cho bị cáo.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen thu giữ của K và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEL màu đen thu giữ của C, quá trình điều tra xác định K, C sử dụng điện thoại này liên lạc vào việc phạm tội nên cần tịch thu bán phát mại sung quỹ Nhà nước; đối với chiếc điện thoại di động của T liên lạc với C, sau khi liên lạc T đã đánh rơi, cơ quan điều tra truy tìm nhưng xác định được vị trí, địa điểm ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

[7] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định Dương Văn T, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn K có tài sản và thu nhập nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử

được thực hiện đầy đủ, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn K phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 4 Điều 190; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Văn T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (Ba) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 4 Điều 190; s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn K cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Phạt các bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn K mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 8,7kg pháo và bao gói hoàn lại sau giám định.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 4.400.000 đồng của T.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA của Kiện; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEL của C.

Trả lại cho Dương Văn T 01 xe máy biển kiểm soát 23H4-1789 cùng đăng kí xe, mang tên Nguyễn Thị Lương nhưng tiếp tục tạm giữ xe máy và đăng ký xe để đảm bảo việc thi hành hình phạt bổ sung.

Tất cả vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên lập ngày 11 tháng 7 năm 2018.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Dương Văn T, Nguyễn Văn C và Nguyễn Văn K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi nghĩa vụ quan đến vụ án vắng mặt cũng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- CQĐT - CA huyện Bình Xuyên;
- CQCSTHAHS - CA huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Ln